



Phát triển tín dụng xanh - Động lực tài chính thúc đẩy tăng trưởng bền vững của Việt Nam giai đoạn 2025 - 2030

Tín dụng xanh đang trở thành công cụ trọng yếu định hướng dòng vốn vào các lĩnh vực thân thiện môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi năng lượng, thích ứng Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) của Liên minh châu Âu (EU) và triển khai các tiêu chuẩn công bố khí hậu IFRS S2, hệ thống ngân hàng giữ vai trò then chốt trong sàng lọc và phân bổ nguồn vốn xanh. Tuy nhiên, tỷ trọng tín dụng xanh hiện mới chiếm dưới 5% tổng dư nợ, đối mặt nhiều thách thức về tiêu chuẩn hóa, định nghĩa thống nhất, chi phí xác minh và năng lực đánh giá rủi ro môi trường - xã hội. Để tín dụng xanh thực sự trở thành “động lực tài chính” cho tăng trưởng bền vững, Việt Nam cần sớm hoàn thiện khung pháp lý, phát triển quỹ bảo lãnh và công cụ tài chính xanh, khuyến khích trái phiếu xanh và hợp tác công - tư nhằm mở rộng quy mô vốn chuyển đổi xanh nền kinh tế.

1. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH VÀ NHỮNG THÁCH THỨC HIỆN NAY

Năm 2025 mở ra trong bối cảnh Việt Nam đặt trọng tâm kép: duy trì tăng trưởng cao và chuyển đổi sang mô hình phát triển xanh, phát thải thấp. Sau gần hai thập kỷ duy trì tốc độ tăng GDP bình quân 6-7%/năm, nền kinh tế đã đạt quy mô hơn 460 tỷ USD, song cũng đối mặt với các ràng buộc mới về năng lượng, môi trường và nợ các-bon. Trong khi đó, Cam kết phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào năm 2050, cùng việc thực thi các hiệp định như JETP, EVFTA, CPTPP, đang buộc Việt Nam phải dịch chuyển mạnh cấu trúc vốn – đặc biệt là vốn tín dụng. Không chỉ là nguồn cung vốn, hệ thống ngân hàng giờ đây trở thành “bộ lọc” định hình hướng đi của nền kinh tế: Vốn chỉ chảy mạnh về nơi nào xanh, sạch, bền vững. Vì vậy, tín dụng xanh không còn là “khẩu hiệu”, mà là “động lực tài chính mới” cho tăng trưởng kinh tế bền vững, đồng thời là chỉ số phản ánh năng lực quản trị rủi ro, chuyển đổi và hội nhập của hệ thống tài chính Việt Nam.

Tuy nhiên, Việt Nam hiện chưa có bộ tiêu chí quốc gia về dự án xanh được pháp luật công nhận đầy đủ. Các ngân hàng đang phải dựa vào Hướng dẫn tạm thời của Ngân hàng Nhà nước năm 2022, trong khi các tổ chức quốc tế (IFC, ADB, WB) lại có hệ thống phân loại khác dẫn đến tình trạng mỗi ngân hàng “tự hiểu”, dẫn tới phân tán dữ liệu và khó đo lường tác động thực chất của dòng vốn xanh.

Chi phí vốn cao, cơ chế ưu đãi còn hạn chế. Lãi suất cho vay xanh trung bình thấp hơn 0,5-1% so với vay thông thường, nhưng chi phí thẩm định, kiểm soát và báo cáo lại cao hơn 2-3 lần do yêu cầu xác minh tính “xanh”.

Trong khi đó, thiếu quỹ bảo lãnh, thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro, khiến các ngân hàng thương mại e ngại khi cấp vốn cho dự án dài hạn có yếu tố công nghệ mới.

Năng lực đánh giá rủi ro môi trường - xã hội còn yếu. Theo khảo sát của IFC (2024), chỉ khoảng 40% ngân hàng tại Việt Nam có bộ phận chuyên trách về đánh giá rủi ro môi trường - xã hội (E&S). Điều này làm giảm khả năng thẩm định dự án xanh chuẩn quốc tế, và khó tiếp cận các nguồn tài trợ ưu đãi như Quỹ Khí hậu xanh (GCF) hay các chương trình blended finance.

Ngoài ra, Việt Nam chưa hình thành thị trường trái phiếu xanh nội địa đủ lớn. Từ 2019-2024, Việt Nam mới phát hành được hơn 2,5 tỷ USD trái phiếu xanh, chủ yếu do tổ chức quốc tế mua. Thiếu hành lang pháp lý rõ ràng (về báo cáo, chuẩn mực kiểm toán xanh, chuẩn IFRS S2...) khiến khu vực tư nhân chưa mặn mà.

2. SỰ CẦN THIẾT PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH

Áp lực từ hội nhập và các tiêu chuẩn quốc tế. Từ năm 2026, nhiều đối tác thương mại lớn của Việt Nam như Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ sẽ áp dụng Cơ chế điều chỉnh biên giới các-bon (CBAM) và các quy định về “tài chính bền vững”. Điều này khiến hàng hóa “nhiều các-bon” của Việt Nam đối mặt với rào cản thuế và tín dụng. Việt Nam nếu không nhanh chóng tái cấu trúc danh mục đầu tư và tín dụng theo hướng xanh hóa, sẽ gặp hai rủi ro: (1) Rủi ro xuất khẩu: Hàng hóa không đáp ứng tiêu chuẩn xanh bị loại khỏi chuỗi cung ứng; (2) Rủi ro tài chính: Các tổ chức quốc tế và nhà đầu tư ESG (môi trường - xã hội - quản trị) thu hẹp dòng vốn vào các ngành phát thải cao.

Áp lực từ nội tại nền kinh tế, theo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, đến cuối năm 2024, tín dụng xanh mới chiếm khoảng 5,5% tổng dư nợ, trong khi tỷ trọng tín dụng cho lĩnh vực có rủi ro môi trường cao vẫn hơn 25%. Cơ cấu này cho thấy, sự “chệch hướng” rõ ràng giữa định hướng chính sách và thực tiễn vận hành. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam phải huy động khoảng 350 tỷ USD vốn xanh đến 2050 (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), việc kích hoạt dòng vốn xanh từ khu vực ngân hàng và thị trường vốn trong nước là bắt buộc, không thể chỉ dựa vào vốn ODA hay đầu tư nước ngoài.

Cơ hội vàng từ quá trình chuyển đổi. Ngược lại, tín dụng xanh cũng mở ra thị trường tài chính mới, đặc biệt



trong các lĩnh vực: Năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng; Nông nghiệp tuần hoàn, logistics xanh; Hạ tầng đô thị thông minh; Sản xuất vật liệu thân thiện môi trường. Đây là những ngành vừa nằm trong ưu tiên tăng trưởng, vừa phù hợp định hướng “chuyển đổi năng lượng công bằng” (JETP) mà Việt Nam ký kết với các đối tác G7.

3. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH

Trung Quốc là nước dẫn đầu châu Á về tín dụng xanh. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đã sớm đưa chỉ số tín dụng xanh (Green Credit Guidelines) vào hệ thống xếp hạng ngân hàng từ 2016. Các ngân hàng được khuyến khích qua: Hệ số rủi ro thấp hơn trong tính vốn tự có cho khoản vay xanh; Tái cấp vốn ưu đãi từ PBoC cho danh mục tín dụng xanh; Công bố định kỳ danh mục tín dụng xanh để tạo áp lực minh bạch. Kết quả đến 2024, dư nợ tín dụng xanh Trung Quốc đạt hơn 32.000 tỷ NDT (~4.400 tỷ USD), chiếm gần 15% tổng dư nợ.

Hàn Quốc đã huy động “ngân sách xanh” làm đòn bẩy. Chính phủ Hàn Quốc thành lập Quỹ chuyển đổi xanh trị giá 60 tỷ USD, trong đó ngân sách Nhà nước bảo lãnh rủi ro tín dụng cho các dự án tiết kiệm năng lượng. Mô hình “vốn mỗi – tín dụng thương mại” này đã kích hoạt hơn 300 tỷ USD đầu tư tư nhân chỉ sau 5 năm.

EU yêu cầu mọi tổ chức tài chính áp dụng Quy định công bố tài chính bền vững (SFDR) và Bộ phân loại xanh (EU Taxonomy), bắt buộc công bố tỷ trọng vốn xanh trong danh mục đầu tư. Tính minh bạch cao giúp giảm “greenwashing” (tô vẽ xanh) và thúc đẩy dòng vốn chuẩn mực.

4. ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH CHO VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý và chuẩn phân loại. Ban hành Luật Tài chính xanh hoặc Nghị định về phân loại hoạt động kinh tế xanh, dựa trên nguyên tắc đồng bộ với tiêu chuẩn ASEAN và EU. Thiết lập Hệ thống thông tin tín dụng xanh quốc gia (Green Credit Database) do Ngân hàng Nhà nước quản lý, liên thông với Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Thứ hai, cơ chế ưu đãi tín dụng và chia sẻ rủi ro. Thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng xanh quốc gia, cho phép bảo lãnh tối đa 70% khoản vay dự án xanh có rủi ro cao. Cho phép tái cấp vốn lãi suất thấp đối với ngân hàng có tỷ lệ tín dụng xanh trên 10% tổng dư nợ. Ưu tiên trần tăng trưởng tín dụng cao hơn cho tổ chức tín dụng đạt tiêu chí xanh.

Thứ ba, chuẩn hóa báo cáo và kiểm toán xanh. Áp dụng bắt buộc chuẩn IFRS S2 - Báo cáo rủi ro khí hậu, kết hợp công bố thông tin ESG trong báo cáo tài chính kiểm toán. Hình thành mạng lưới kiểm toán xanh quốc gia, gồm kiểm toán nhà nước, kiểm toán độc lập và giám sát xã hội, để đảm bảo tính xác thực của dự án được gắn nhãn “xanh”.

Thứ tư, xây dựng thị trường trái phiếu xanh và công cụ tài chính hỗn hợp. Phát triển sàn giao dịch trái phiếu xanh tại Trung tâm Tài chính TP. Hồ Chí Minh, liên kết với Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) để minh bạch hóa thông tin phát hành. Cho phép doanh nghiệp niêm yết phát hành trái phiếu xanh theo cơ chế ưu tiên tiếp cận tín dụng tái cấp vốn hoặc bảo lãnh phát hành của Chính phủ.

Thứ năm, tăng cường năng lực thể chế và nhân lực. Đưa đào tạo tín dụng xanh, định giá các-bon, quản trị ESG vào chương trình học tại Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân và các khóa đào tạo của Bộ Tài chính. Xây dựng mạng lưới chuyên gia định giá rủi ro xanh, phục vụ cho hệ thống ngân hàng và kiểm toán.

5. KẾT LUẬN

Tín dụng xanh không chỉ là xu hướng, mà là điều kiện tồn tại của nền kinh tế Việt Nam trong kỷ nguyên hội nhập xanh. Từ nay đến 2030, mục tiêu không chỉ là tăng tỷ trọng tín dụng xanh từ 5,5% lên 15-20% tổng dư nợ, mà còn phải xây dựng niềm tin thị trường rằng mọi đồng vốn được cấp ra đều minh bạch, đo được, và tạo tác động thực. Khi các công cụ chính sách, từ Luật Tài chính xanh, quỹ bảo lãnh, đến kiểm toán xanh được đồng bộ hóa, Việt Nam sẽ sở hữu “tài chính” khỏe mạnh, dẫn dòng vốn vào đúng nơi tạo giá trị dài hạn. Chỉ khi đó, tăng trưởng cao mới thực sự đi cùng tăng trưởng xanh, bền vững và có trách nhiệm.

NGUYỄN VĂN HÙNG

Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao STVICO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. European Commission: Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM) – tổng quan & mốc thời gian (chính thức từ 01/01/2026).
2. EU CBAM - FAQ chi tiết (cơ chế chứng chỉ, phạm vi hàng hóa, phương pháp đo phát thải).
3. IFRS Foundation – IFRS S2 Climate-related Disclosures (chuẩn công bố rủi ro khí hậu, hiệu lực kỳ báo cáo bắt đầu 1/1/2024).
4. Ủy ban châu Âu - SFDR (khung công bố bền vững trong tài chính).
5. Ủy ban châu Âu - EU Taxonomy (hệ phân loại hoạt động kinh tế bền vững).
6. NHNN Việt Nam - Thông tư 17/2022/TT-NHNN về quản lý rủi ro môi trường trong cấp tín dụng (bản tiếng Anh tham khảo).
7. Green Central Banking - SBV cập nhật khung tín dụng xanh (08/2024) và VDB tóm tắt chính sách (quyết định 1663/QĐ-NHNN). Banking+1.
8. IFC - Hỗ trợ SeABank phát hành trái phiếu xanh & xanh dương (2024) - ví dụ huy động thị trường cho dự án xanh. IFC+1.
9. Bộ Công Thương dẫn nguồn World Bank - nhu cầu vốn khí hậu đến 2040 ~ 368 tỷ USD (tham chiếu quy mô nhu cầu vốn). moit.gov.vn.